

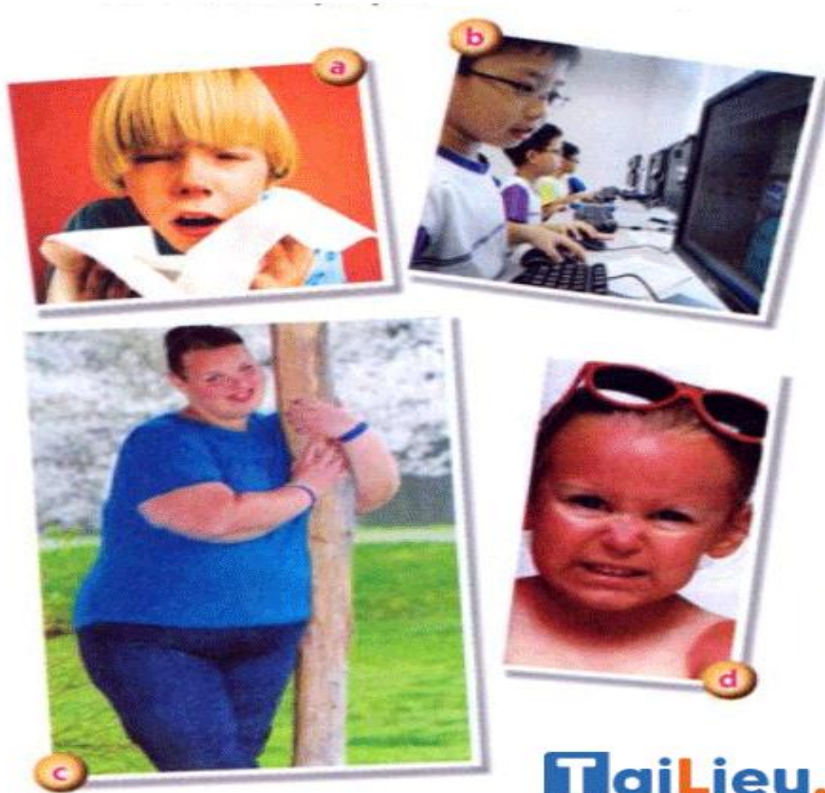
Để học tốt môn Tiếng Anh chúng ta cần phải chăm chỉ học các từ vựng mới và các cấu trúc mới để có thể làm bài thi đạt điểm cao nhất. Dưới đây là phần bài giải tiếng anh 7 unit 2 a closer look 2 mà chúng tôi đã sưu tầm và chọn lọc. Mời các em học sinh cùng quý thầy cô tham khảo.

Hướng dẫn giải tiếng anh lớp 7 unit 2 a closer look 2 trang 19, 20 SGK tiếng anh mới

Grammar

1. Look at the pictures. Which health tips from the box above would you give to each of these people?

(Nhìn vào những bức hình. Bạn sẽ đem đến cho mỗi người bí quyết nào từ khung bên trên?)



- You have cough and flu. You should sleep more (and take medicine).
- Your eyes are weak. You should watch less TV and go outside to play.
- You are fat. You should do more exercise and eat more fruit/ vegetables.
- You get sunburn. You should sunbath less.

2. Top health tips for teens

Look at the health tips in the yellow box. Which six do you think are most important to you and your classmates? Explain why.

(Nhìn vào những bí quyết sức khỏe trong khung màu vàng. Sáu cái nào mà bạn nghĩ là quan trọng nhất với bạn và bạn học? Giải thích tại sao.)

1. Do more exercise	2. Sleep more!	3. Eat less junk food
4. Wash your hands more	5. Watch less TV	6. Spend less time playing computer games

I think tips such as: doing more exercises and eating more fruit and vegetables are the most important to me and my friends because they are simple and easy to follow.

3. Look at the article on the Teen Health website. Fill in the blanks to complete their top six health tips.

(Nhìn vào mục báo trên trang web Teen Health. Điền vào khoảng trống để hoàn thành 6 bí quyết khỏe mạnh hàng đầu của họ.)

1. Do more exercise	2. Sleep more!	3. Eat less junk food
4. Wash your hands more	5. Watch less TV	6. Spend less time playing computer games

Hướng dẫn dịch

- Giữ dáng là bí quyết quan trọng nhất của chúng ta. Bạn có thể chơi bóng đá, hoặc thậm chí đi bộ đường dài. Việc đó rất tốt, nhưng chắc chắn là bạn phải làm 3 lần 1 tuần!
- Nghỉ ngơi nhiều thật sự quan trọng. Nó giúp bạn tránh được trầm cảm, và giúp bạn tập trung hơn ở trường. Bạn cũng sẽ khỏe khoắn hơn vào buổi sáng!
- Bạn sẽ trông giống như những gì bạn ăn. Vì thế hãy đảm bảo rằng đó là những thức ăn tốt cho sức khỏe như trái cây và rau quả, không phải thức ăn vặt. Nó có thể giúp bạn tránh được béo phì (tăng cân)

4. Thật dễ bị bệnh cảm cúm. Chúng ta nên cố gắng giữ sạch sẽ hơn. Rồi thì bệnh cúm sẽ khó mà phát tán!
5. Tuy có vài điều hay để xem. Nhưng xem quá nhiều không tốt cho bạn hoặc mắt của bạn.
6. Cuối cùng, ở số 6, chúng ta đều thích trò chơi vi tính, nhưng nhiều người trong chúng ta cần dành ít thời gian chơi trò chơi vi tính hơn! Giới hạn thời gian của bạn chỉ 1 hoặc 2 giờ, 2 hoặc 3 ngày một tuần, hoặc ít hơn!

4. Make compound sentences by joining the two simple sentences. Use the conjunction given. Remember to add a comma.

(Tạo thành câu ghép bằng cách nhập 2 câu đơn. Sử dụng liên từ được cho. Nhớ thêm một dấu phẩy.)

1. I want to eat some food, but I have a sore throat.
2. The Japanese eat healthily, so they live for a long time.
3. I feel tired, and I feel weak.
4. You can go and see the doctor, or you can go to bed now and rest.

Hướng dẫn dịch

1. Tôi muốn ăn ít thức ăn, nhưng tôi bị đau họng.
2. Người Nhật ăn uống lành mạnh, vì thế họ sống lâu.
3. Tôi cảm thấy mệt, và tôi cảm thấy yếu ớt.
4. Bạn có thể đến khám bác sĩ, hoặc bạn có thể đi ngủ bây giờ và nghỉ ngơi.

5. Match the beginnings of the sentences with the pictures that complete them.

(Nói phần đầu câu với bức tranh để hoàn thành chúng)

1. Nick washes his hands a lot, so he doesn't have flu.
2. David eats lots of junk food, and he doesn't do exercise.
3. The doctor told Elena she should sleep more, or she should try to relax more.
4. My sister plays computer games, but she does exercise too.

Hướng dẫn dịch

1. Nick rửa tay rất nhiều, vì thế anh ấy không bị cảm cúm.
2. David ăn nhiều thức ăn vặt và anh ấy không tập thể dục.
3. Bác sĩ bảo Elena rằng cô ấy nên ngủ nhiều hơn, hoặc nên cố gắng thư giãn nhiều hơn.
4. Chị tôi chơi trò chơi máy tính và chị ấy cũng tập thể dục.

6. Complete the second part of the compound sentences.

(Hoàn thành phần 2 của câu ghép.)

1. Hung washes his hands a lot, so he doesn't have flu.
2. David eats lots of junk food, and he doesn't do exercise.
3. The doctor told Elena she should sleep more, or she should try to relax more.
4. My sister plays computer games, but she does exercise too.

Hướng dẫn dịch

1. Hùng rửa tay rất nhiều, nên anh ấy không bị cảm.
2. David ăn nhiều thức ăn vặt và anh ấy không tập thể dục.
3. Bác sĩ bảo Elena rằng cô ấy nên ngủ nhiều hơn, hoặc cô ấy nên cố gắng thư giãn nhiều hơn.
4. Chị tôi chơi trò chơi vi tính nhưng chị ấy cũng tập thể dục.

Trên đây là toàn bộ phần giải A closer look 2 unit 2 lớp 7 với đầy đủ các phần cơ bản mong rằng có thể hỗ trợ các em có một bài soạn tốt nhất để phục vụ bài học trước khi đến lớp đồng thời cũng có thể áp dụng vào để giải các bài tập một cách nhanh và chính xác nhất.